

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán đầu tư xây dựng
Công trình: Đường từ cầu Trường Thi đi Quốc lộ 19 (giai đoạn 2)
Địa điểm xây dựng: Phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3166/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tên dự án: Đường từ cầu Trường Thi đi Quốc lộ 19, phường Nhơn Hòa;

Căn cứ Quyết định số 3310/QĐ-UBND ngày 03/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng tên dự án: Đường từ cầu Trường Thi đi Quốc lộ 19, phường Nhơn Hòa;

Căn cứ Quyết định số 4261/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng tên dự án: Đường từ cầu Trường Thi đi Quốc lộ 19, phường Nhơn Hòa;

Căn cứ Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh phân kỳ đầu tư dự án đầu tư xây dựng tên dự án: Đường từ cầu Trường Thi đi Quốc lộ 19, phường Nhơn Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Đường từ cầu Trường Thi đi Quốc lộ 19, phường Nhơn Hòa;

Xét đề nghị của UBND thị xã An Nhơn tại Văn bản số 689/TTr-UBND ngày 28/6/2017 và đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 773/SGTVT-GT ngày 22/06/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán đầu tư xây dựng công trình, với các nội dung chính như sau:



1. Tên công trình: Đường từ cầu Trường Thi đi Quốc lộ 19 (giai đoạn 2), phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn.

2. Loại, Cấp công trình: Công trình giao thông (đường bộ), cấp III.

3. Chủ đầu tư: UBND thị xã An Nhơn.

Quản lý dự án: Ban Quản lý dự án ĐT&XD thị xã An Nhơn.

4. Địa điểm xây dựng: Phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn.

5. Tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công – Dự toán: Công ty CP tư vấn T27, Chi nhánh Bình Định.

6. Quy mô đầu tư

- Điểm đầu Km0+00 (cách cầu trường thi $L=6.5m$), điểm cuối Km3+84.33 (giao Quốc Lộ 19).

- Đoạn tuyến từ Km0+00 – Km1+78,60: Xây dựng hoàn chỉnh nền mặt đường và công trình thoát nước.

- Đoạn tuyến từ Km1+78,60 – Km3+84.33: Xây dựng hoàn chỉnh mặt đường.

- Đường giao thông cấp IV đồng bằng, tốc độ thiết kế $V=60Km/h$.

- Tải trọng trục xe thiết kế: Trục xe 10 tấn.

- Tổng chiều dài đoạn tuyến: $L=3084,33m$.

- Bề rộng nền đường $B_{nền}=1+3,5 \times 2+1=9,0m$.

- Bề rộng mặt đường $B_{mặt}=3,5 \times 2=7,0m$.

+ Bề rộng lề đường $Bl_{lề}=1,0 \times 2=2,0m$.

+ Độ dốc ngang mặt đường: $i_{mặt}=2\%$.

+ Độ dốc ngang lề đường: $i_{lề}=4\%$.

a. Kết cấu áo đường

- Kết cấu áo đường trên mặt BTXM hiện trạng:

+ Mặt đường đổ bê tông đá 2x4 M300 dày 25cm;

+ Bù vênh BTXM M300 đá 2x4 trên mặt hiện trạng áp dụng đoạn bù vênh có chiều cao $h < 12cm$;

+ Bù vênh CPĐD $D_{max}=37.5$ trên mặt hiện trạng áp dụng đoạn bù vênh có chiều cao $h > 12cm$;

- Kết cấu áo đường xây dựng mới:

+ Mặt đường đổ bê tông đá 2x4 M300 dày 25cm.

+ Lót giấy dầu.

+ Móng CPĐD $D_{max}=37.5mm$ dày 20cm.

+ Móng CPĐ đầm chặt K98 dày 30cm.

+ Nền đường đầm chặt K95.

b. Công trình thoát nước trên tuyến

* **Cầu Mương Dưới:** Tại lý trình Km0+902.08 gồm 4 nhịp $L_n=12m$.

- Kết cấu BTCT thường lắp ghép.

- Tải trọng thiết kế: HL93.

- Khô cầu $B=0,5+8,0+0,5=9,0m$.

- Kết cấu chi tiết:

• Kết cấu nhịp: gồm 4 nhịp giản đơn, chiều dài nhịp 12m, cụ thể như sau:

+ Cắt ngang cầu gồm 7 dầm chủ bằng BTCT, chiều cao dầm $h=0,6m$, khoảng cách giữa các dầm chủ $S=1,25m$.

yl

- + Dầm chủ, dầm ngang, bản mặt cầu BTCT 30Mpa đá 1x2.
- + Lớp phủ mặt bằng BTCT 25Mpa đá 0.5x1 dày trung bình 9cm.
- + Gối cầu bằng cao su, khe co giãn bằng thép ray.
- + Bản vượt bằng BTCT 20Mpa đá 2x4 dày 30cm, phía dưới đệm đá 4x6.
- + Gờ chắn bánh bằng BTCT 20Mpa đá 2x4, cột lan can, tay vịn bằng thép mạ kẽm.

+ Trên một nhịp bố trí 8 ống thoát nước PVC $\Phi 110$.

• *Mố cầu:*

+ Móng mố dùng cọc BTCT 25Mpa KT:40x40cm, mỗi mố bố trí 7 cọc, chiều dài dự kiến L=20m.

+ Mũ mố, tường cánh bằng BTCT 25Mpa đá 2x4.

+ Đá kê gối bằng BTCT 25Mpa đá 1x2.

• *Trụ cầu:*

+ Móng trụ dùng cọc BTCT 25Mpa, KT:40x40cm, mỗi trụ bố trí 12 cọc, chiều dài dự kiến L= 20m.

+ Mũ trụ bằng BTCT 25Mpa đá 2x4.

+ Đá kê gối BTCT 25Mpa đá 1x2.

• *Kết cấu khác:*

+ Đắp đất 1/4 nón mố đầm chặt K95.

+ Chân khay, tứ nón gia cố cọc tre tươi $\Phi 10$, mật độ 16cọc/m², L=2m.

+ Đệm móng chân khay tứ nón, mái ta luy tứ nón đá 4x6 đầm chặt.

+ Chân khay tứ nón và mái ta luy đổ BT 12Mpa đá 2x4.

+ Đổ BT tứ nón và mái taluy 16Mpa đá 2x4 dày 15cm, phía dưới đệm VXM M100 dày 5cm.

+ Trồng cọc tiêu hai bên đầu cầu khoảng cách 3m/cọc.

+ Xây dựng biển báo hai bên đầu cầu.

• *Gia cố mái taluy đoạn đường 2 bên đầu cầu:*

+ Chiều dài gia cố đường đầu cầu mỗi bên: L=20m.

+ Chân khay, mái ta luy đệm đá 4x6 đầm chặt dày 10cm.

+ Chân khay đổ bê tông đá 2x4 12Mpa.

+ Mái taluy xây đá chẻ KT:15x20x25cm, VXM M100.

+ Trồng cọc tiêu ngoài phạm vi đường đầu cầu khoảng cách 10m/cọc.

* **Công trình thoát nước nhỏ:** Xây dựng mới các cống tròn và cống bản, tải trọng thiết kế H30-XB80, cụ thể như sau:

STT	Bảng thống kê công trình thoát nước nhỏ	
	Loại cống	Lý trình
1	Cống vuông 4x(1,0x1,0)m	Km0+231,39
2	Cống bản L=4m	Km0+391,67
3	Cống tròn D1200	Km0+833,86
4	Cống bản L=4m	Km0+862,72
5	Cống tròn D1500 (Nút giao N6)	Km0+84,38

• *Xây dựng cống vuông lý trình: Km0+231,39.*

+ Tải trọng thiết kế H30.

7/4

- + Cổng BTCT đúc tại chỗ M250.
- + Móng cống, sân cống, chân khay, bể tiêu năng hạ lưu gia cố đóng cọc tre tươi $\Phi 10$, $L=2,5m$ mật độ 16 cọc/m² đệm đá 4x6 đầm chặt.
- + Tường đầu, tường cánh xây đá chẻ KT: 15x20x25 VXM M100.
- + Chân khay, sân cống, bể tiêu năng hạ lưu đổ bê tông đá 2x4 M150.
- *Xây dựng cống bản hộp lý trình: Km0+391,67.*
 - + Tải trọng thiết kế H30-XB80.
 - + Chiều dài tính không $L=4m$.
 - + Cổng BTCT đổ tại chỗ M300.
 - + Móng móng, bản đáy, tường cánh, sân cống, chân khay, bể tiêu năng hạ lưu gia cố đóng cọc tre tươi $\Phi 10$, $L=2,5m$ mật độ 16 cọc/m².
 - + Móng móng, bản đáy, tường cánh, sân cống, chân khay, bể tiêu năng hạ lưu bản vượt đệm đá 4x6 đầm chặt.
 - + Bản đáy sân cống lót giấy dầu trước khi đổ bê tông
 - + Móng móng, bản đáy bằng BTCT đá 2x4 M250.
 - + Thân móng, gờ sau móng bằng BTCT đá 2x4 M300.
 - + Bản mặt cống, gờ chắn bánh bằng BTCT đá 1x2 M300.
 - + Lớp phủ mặt cống đổ bê tông đá 0.5x1 M300 dày trung bình 3-10cm.
 - + Móng tường cánh, chân khay, bể tiêu năng, sân cống đổ bê tông đá 2x4 M150.
 - + Tường cánh đổ bê tông đá 2x4 M200.
 - + Bản vượt bằng BTCT đá 2x4 M250.
 - + Gia cố chống xói bể tiêu năng hạ lưu bằng đá hộc xếp khang không chít mạch.
 - + Xây dựng cọc tiêu 2 bên cống bản khoảng cách 3-5m cọc.
- *Xây dựng cống tròn $\Phi 120$ lý trình: Km0+833,86.*
 - + Tải trọng thiết kế H30.
 - + Dùng ống cống BTLT $\Phi 120$.
 - + Móng cống, chân khay, sân cống gia cố cọc tre tươi $\Phi 10$, $L=2,5m$ mật độ 16 cọc/m² trên đệm đá 4x6 đầm chặt.
 - + Chân khay, sân cống đổ bê tông đá 2x4 M150.
 - + Tường đầu, tường cánh xây đá chẻ KT: (15x20x25)cm VXM M100.
 - *Xây dựng cống bản hộp lý trình: Km0+862,72.*
 - + Tải trọng thiết kế H30-XB80.
 - + Chiều dài tính không $L=4m$.
 - + Cổng BTCT đổ tại chỗ M300.
 - + Móng móng, bản đáy, tường cánh, sân cống, chân khay gia cố đóng cọc tre tươi $\Phi 10$, $L=2,5m$ mật độ 16 cọc/m².
 - + Móng móng, bản đáy, tường cánh, sân cống, chân khay, bản vượt đệm đá 4x6 đầm chặt.
 - + Bản đáy sân cống lót giấy dầu trước khi đổ bê tông
 - + Móng móng, bản đáy bằng BTCT đá 2x4 M250.
 - + Thân móng, gờ sau móng bằng BTCT đá 2x4 M300.
 - + Bản mặt cống, gờ chắn bánh bằng BTCT đá 1x2 M300.

- + Lốp phủ mặt cống đổ bê tông đá 0.5x1 M300 dày trung bình 3-10cm;
 - + Móng tường cánh, chân khay, sân cống đổ bê tông đá 2x4 M150;
 - + Tường cánh đổ bê tông đá 2x4 M200;
 - + Bản vượt bằng BTCT đá 2x4 M250;
 - + Gia cố chống xói bề tiêu năng hạ lưu bằng đá học xếp khan không chít mạch.
 - + Xây dựng cọc tiêu 2 bên cống bản khoảng cách 3-5m cọc.
 - *Xây dựng cống tròn $\Phi 150$ lý trình: Km0+833,86.*
 - + Tải trọng thiết kế H30;
 - + Dùng ống cống BTLT $\Phi 150$;
 - + Móng cống, tương đầu, gia cố mương thượng, hạ lưu đệm đá 4x6 đầm chặt;
 - + Móng tường đầu, tường đầu, gia cố mương thượng, hạ lưu đổ bê tông đá 2x4 M200.
 - *Gia cố mái taluy*
 - + Xây dựng đoạn gia cố mái taluy bên trái tuyến tại lý trình: Km0+138,58-Km0+391,67 và Km0+689,27-Km0+833,86;
 - + Xây dựng đoạn gia cố mái taluy 2 bên tuyến tại lý trình: Km0+833,86-Km0+882,06;
 - + Xây dựng đoạn gia cố mái taluy đường dân sinh nút N13 (Km1+362,57), N14 (Km1+370,83);
 - + Mái taluy xây đá chẻ KT(15x20x25) VXM M100 trên lớp đệm đá 4x6 dày 10cm;
 - + Chân khay đổ bê tông đá 2x4 M150 trên móng lớp đá 4x6 dày 10cm;
 - + Lắp đặt ống nhựa PVC $\Phi 27$ mm, L=70cm, khoảng cách 5m/ống;
 - + Vải địa kỹ thuật bọc đầu ống nhựa thoát nước kt(15x15)cm;
 - + Trồng cọc tiêu khoảng cách 10m/cọc.
 - *Xây dựng tường cánh, bề tiêu năng cống hộp tại lý trình Km2+490,80.*
 - + Tường cánh xây đá chẻ KT15x20x25 VXM M100, móng đệm đá 4x6 dày 20cm;
 - + Bề tiêu năng bằng BT M150 đá 2x4;
 - + Gia cố bề tiêu năng bằng đá học xếp khan không chít mạch.
- c. Đường giao dân sinh:** Vuốt nối với các đường giao dân sinh đảm bảo ATGT và thoát nước tốt. Kết cấu mặt đường giao bằng BTXM M250 đá 2x4.

Bảng thống kê nút giao

TT	Tên nút	Lý trình	Giải pháp thiết kế
1	N1	Km0+454.17	- Chiều rộng nền, mặt đường Bm/Bn=3.0m/4.0m - Kết cấu: + Mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 20cm. + Nền đường đầm chặt K95 và 30cm sát móng đạt K98.

24

2	N2	Km0+535.30- Km0+555.19	- Chiều rộng nền, mặt đường Bm/Bn=3.0m/4.0m - Chiều rộng nền, mặt đường Bm/Bn=3.5m/5.5m - Kết cấu: + Mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 20cm. + Nền đường đầm chặt K95 và 30cm sát móng đạt K98.
3	N3	Km0+555.19- Km0+663.34	- Đắp đất mở rộng đầm chặt K95
4	N4	Km0+686.32	- Chiều rộng nền, mặt đường Bm/Bn=3.0m/4.0m - Kết cấu: + Mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 20cm. + Nền đường đầm chặt K95 và 30cm sát móng đạt K98.
5	N5	Km1+17.46	- Chiều rộng nền Bn=3.0m Nền đường đầm chặt K95.
6	N6	Km1+43.53	- Chiều rộng nền, mặt đường Bm/Bn=7.0m/9.0m - Kết cấu: + Mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 25cm. + Nền đường đầm chặt K95 và 30cm sát móng đạt K98. - Trồng cọc tiêu khoảng cách 5-10m/cọc
7	Nút nhánh N6	Km0+72.31	- Chiều rộng nền, mặt đường Bm/Bn=3.5m/5.5m - Kết cấu: + Mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 25cm. + Nền đường đầm chặt K95 và 30cm sát móng đạt K98.

d. Nút giao cuối tuyến giáp QL19: Kết cấu mặt đường phần mở rộng (mặt đường Quốc lộ 19) như sau:

- + Mặt đường BTN C12.5 dày 5cm.
- + Mặt đường BTN C19 dày 7cm.
- + Nền đường CPĐĐ loại 1 (Dmax=25mm) dày 25cm.
- + Nền đường CPĐĐ loại 1 (Dmax=37.5mm) dày 25cm.

• **Công trình thoát nước ngang QL19:** Đầu nối cống hộp phần mở rộng mặt đường Quốc lộ 19 tiếp giáp với công hộp hiện trạng.

- + Tải trọng thiết kế HL93.
- + Cống hộp BTCT đổ tại chỗ M300 đá 1x2.
- + Móng công hộp đổ bê tông đá 2x4 M100 trên đá dăm đệm đầm chặt.

• **Công trình thoát nước dọc QL19:** Đào bỏ rãnh bê tông cốt thép và tận dụng nắp đáy rãnh hiện trạng Quốc lộ 19 đoạn mở rộng mặt đường và thiết kế hoàn trả rãnh dọc phần mặt đường mở rộng.

• **Công trình phụ trợ:** Đào bỏ bó vỉa và rãnh bê tông thoát nước mặt đường hiện trạng Quốc lộ 19 đoạn mở rộng mặt đường và thiết kế hoàn trả bó vỉa phần mặt đường mở rộng.

7/

đ. An toàn giao thông: Thiết kế mới theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012/BGTVT.

7. Phương án giải phóng mặt bằng: Phương án GPMB của dự án được tổ chức lập và phê duyệt theo quy định hiện hành.

8. Giá trị dự toán đầu tư xây dựng: 29.409.797.000 đồng (Hai mươi chín tỷ, bốn trăm lẻ chín triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 24.098.221.000 đồng;
- Chi phí QLDA : 359.721.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD : 1.090.507.000 đồng;
- Chi phí khác : 1.990.361.000 đồng;
- Dự phòng chi : 1.870.987.000 đồng.

9. Nguồn vốn đầu tư

- Vốn Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ một phần chi phí xây dựng (khi được thẩm định và cân đối nguồn vốn).

- Vốn ngân sách thị xã An Nhơn tự cân đối thực hiện phần còn lại (kể cả chi phí bồi thường GPMB).

10. Hình thức quản lý dự án : Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2017 – 2018.

12. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Theo Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành.

Điều 2. Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai các bước tiếp theo đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *7/*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- PVP CN;
- Lưu: VT, K1, K19.(M.12b) *10/*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng